

Số: 16/LH/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ về việc phê duyệt Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 8035/TTr-BNN-TCLN ngày 25 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

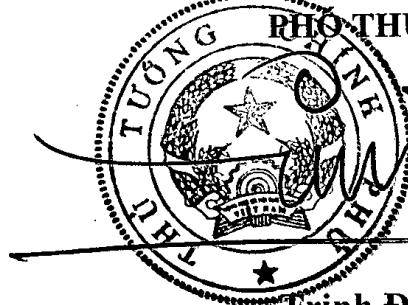
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: NN, TH;
- Lưu: VT, QHQT (ĐT). 32

KT. THỦ TƯỚNG**PHÓ THỦ TƯỚNG****Trịnh Đình Dũng**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT)
(Kèm theo QĐ số 16.4/QĐ-TTg ngày 14 / 11 / 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) (sau đây gọi là Kế hoạch) nhằm phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức liên quan, quyết định biện pháp chỉ đạo, điều hành và các biện pháp khác triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả Hiệp định này.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để đạt được mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản dưới đây:

1. Tuyên truyền và công bố thông tin

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT cho các đối tượng có liên quan (nhân dân, đặc biệt là các hộ gia đình trồng rừng, các cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương và địa phương, hiệp hội ngành nghề, hợp tác xã, cộng đồng doanh nghiệp, các làng nghề, hợp tác xã, hộ kinh doanh chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ và các tổ chức xã hội) thông qua các phương tiện truyền thông, các chương trình phát thanh truyền hình, các trang thông tin điện tử, các lớp tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả Hiệp định VPA/FLEGT.

b) Chú trọng soạn thảo các tài liệu tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT phù hợp với nhu cầu, trình độ và năng lực của các nhóm đối tượng có liên quan trong và ngoài nước về các cam kết cụ thể của Hiệp định, đảm bảo hiểu rõ, hiểu đúng về Hiệp định, từ đó giúp việc thực thi Hiệp định được đầy đủ và hiệu quả.



c) Thiết lập đầu mối thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT, xây dựng dữ liệu điện tử công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT và các văn bản pháp luật liên quan đến thực hiện Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS).

d) Tổ chức thực hiện công bố thông tin theo cam kết tại Phụ lục VIII về công bố thông tin của Hiệp định VPA/FLEGT nhằm đảm bảo việc thực thi Hiệp định được minh bạch, rõ ràng và hiệu quả.

2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

a) Tổ chức thực hiện các cam kết của Hiệp định VPA/FLEGT thông qua việc xây dựng Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS).

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và truy xuất nguồn gốc gỗ; Quản lý xuất, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, mua sắm công liên quan đến gỗ và sản phẩm gỗ.

c) Định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh các văn bản pháp luật của Việt Nam được dẫn chiếu trong Phụ lục II và Phụ lục V của Hiệp định VPA/FLEGT, theo cam kết tại Phụ lục IX của Hiệp định.

3. Cải thiện hạ tầng kỹ thuật để vận hành Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

a) Xây dựng và vận hành phần mềm phân loại doanh nghiệp điện tử kết nối với cơ sở dữ liệu vi phạm pháp luật lâm nghiệp và hệ thống cấp phép FLEGT điện tử.

b) Xây dựng và vận hành hệ thống cấp phép FLEGT điện tử kết nối với Hệ thống Hải quan một cửa quốc gia Việt Nam (NSW) và Hệ thống phân loại doanh nghiệp.

c) Xây dựng sở tay hướng dẫn kỹ thuật thực hiện Hệ thống VNTLAS và cơ chế cấp phép FLEGT.

d) Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong việc xác định loài gỗ nhập khẩu (tên khoa học và tên thương mại), xây dựng hệ thống mã vạch, mã số, xác minh và truy xuất nguồn gốc gỗ.

4. Nâng cao năng lực thực thi Hiệp định VPA/FLEGT

a) Đánh giá năng lực và xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực thực thi Hiệp định VPA/FLEGT, đặc biệt về Hệ thống VNTLAS cho các bên liên quan, bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương (kiểm lâm, hải quan, cơ quan cấp phép FLEGT), các hiệp hội gỗ, doanh nghiệp, làng nghề, hộ gia đình tham gia trong chuỗi cung ứng của Hệ thống VNTLAS.

b) Chú trọng soạn thảo tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các đối tượng liên quan, bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương (kiểm lâm, hải quan, cơ quan cấp phép FLEGT), các hiệp hội gỗ, doanh

nghiệp, làng nghề, hộ gia đình trồng rừng và chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ, về các yêu cầu và quy định của Hệ thống VNTLAS và cấp phép FLEGT.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các đối tượng liên quan về Hiệp định VPA/FLEGT, bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương, các hiệp hội gỗ, doanh nghiệp, làng nghề, hộ gia đình trồng rừng, chế biến, xuất khẩu gỗ và thủ công mỹ nghệ.

d) Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh, triển khai các biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động, nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp.

5. Quản lý, giám sát và đánh giá thực thi Hiệp định VPA/FLEGT

a) Thành lập Ủy ban thực thi chung (JIC) và tổ chức các cuộc họp và hoạt động định kỳ của JIC nhằm thực thi các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 18 và Phụ lục IX của Hiệp định VPA/FLEGT; Chuẩn bị báo cáo thường niên của JIC.

b) Tăng cường năng lực cho Cơ quan xác minh, Cơ quan cấp phép FLEGT, Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo về FLEGT và tổ công tác kỹ thuật liên ngành (JEM) nhằm hỗ trợ JIC thực thi hiệu quả Hiệp định VPA/FLEGT; Củng cố các hoạt động của Nhóm nông cốt đa bên về Hiệp định VPA/FLEGT để tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thực thi Hiệp định.

c) Xây dựng khung giám sát, đánh giá việc thực thi Hiệp định VPA/FLEGT; Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực thi Hiệp định VPA/FLEGT theo cam kết tại Phụ lục VI về đánh giá độc lập và Phụ lục VII về đánh giá tính sẵn sàng hệ thống VNTLAS của Hiệp định.

d) Thực hiện các biện pháp khắc phụ những lỗi sẵn sàng của Hệ thống VNTLAS.

đ) Đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT về kinh tế, xã hội và môi trường, xác định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu đối với các tác động tiêu cực.

e) Đánh giá tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đối với thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu Việt Nam.

6. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển bền vững ngành chế biến gỗ xuất khẩu

a) Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu Việt Nam sử dụng nguyên liệu hợp pháp; Xây dựng và quảng bá thương hiệu, Hệ thống VNTLAS, giấy phép FLEGT và chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam.

b) Rà soát, tiếp tục hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật (tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, xuất xứ, bảo vệ môi trường...) phù hợp với Hiệp định

VPA/FLEGT và các cam kết quốc tế khác để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp chế biến gỗ, sản phẩm gỗ Việt Nam, thị trường nội địa và bảo vệ người tiêu dùng.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển làng nghề, doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ kinh doanh chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, các hộ gia đình trồng rừng nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của Hiệp định VPA/FLEGT, tận dụng cơ hội và lợi ích từ Hiệp định VPA/FLEGT và phát triển bền vững.

d) Xây dựng các Trung tâm chế biến gỗ nhập khẩu; Khu nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước có quy mô lớn; Áp dụng thương mại điện tử cung ứng gỗ nguyên liệu gắn kết với cơ sở chế biến, xuất khẩu.

7. Tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản

a) Xây dựng, ký kết, thực hiện hợp tác lâm nghiệp với các quốc gia láng giềng, khu vực ASEAN, thị trường chính nhằm thúc đẩy thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực Hải quan với cơ quan Hải quan các nước và Văn phòng liên lạc tình báo khu vực châu Á- Thái Bình Dương (RILO) của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) để kịp thời trao đổi thông tin, phát hiện, ngăn chặn, phối hợp xác minh, xử lý các hành vi gian lận xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

c) Đàm phán và ký kết các hiệp định công nhận lẫn nhau về gỗ hợp pháp với các quốc gia khác, tập trung vào các quốc gia là thị trường nhập khẩu quan trọng mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản và Úc; Áp dụng Bộ Quy tắc ứng xử tự nguyện của ASEAN về gỗ hợp pháp và hướng dẫn quốc gia về gỗ hợp pháp của khối các nền kinh tế APEC.

d) Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác khu vực và quốc tế để tận dụng, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực thi Hiệp định VPA/FLEGT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 01 tháng 03 năm 2020 để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Chính phủ; định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, gửi báo cáo


cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện và kiến nghị các biện pháp cần thiết, bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

3. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối thực thi Hiệp định VPA/FLEGT, thực hiện nhiệm vụ là Đồng chủ tịch Ủy ban thực thi chung (JIC) cùng với EU; Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan xây dựng và bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời sao gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trịnh Đình Dũng